

Số: 968 /QĐ-UBND

Tiên Lũ, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng 55 suất đất tại khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lũ (cũ) nay là xã Tiên Lũ, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIỀN LŨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024; Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 226/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 172/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất lần 1 cho UBND xã Thụy Lôi để xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lũ; Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND xã Thụy Lôi về việc phê duyệt Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn mới tại xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lũ;

Căn cứ Quyết định số 3091/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lũ về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá đất tại Khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lũ;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Tiên Lũ về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lũ (cũ) và Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 19

tháng 9 năm 2025 của UBND Tiên Lữ về việc điều chỉnh phương án để đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ (cũ) nay thuộc xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Tiên Lữ về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ (cũ) nay thuộc xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 38/TB-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Lữ về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá; Thông báo số 42/TB-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Lữ về việc thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 232/TTr-KT ngày 23/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá 55 suất đất tại khu dân cư nông thôn mới xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

- Số suất đất trúng đấu giá: 55 suất.
- Tổng diện tích trúng đấu giá: 4.546,56 m².
- Số tiền trúng đấu giá: **110.277.672.000** đồng (Một trăm mười tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm:

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất cho những người trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp tiền vào ngân sách nhà nước;
- Trong vòng 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày cơ quan Thuế ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất mà người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền sử dụng đất, thông báo đến phòng Kinh tế xã để trình Chủ tịch UBND xã Tiên Lữ hủy kết quả trúng đấu giá theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã Tiên Lữ có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND xã Tiên Lữ quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật và bàn giao đất ngoài thực địa cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Thông báo của Cơ quan Thuế.

- Trình Chủ tịch UBND xã Tiên Lữ hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thời gian quy định tại phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế Cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Trưởng Kho bạc Nhà nước Khu vực IV; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và người trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo phụ lục chi tiết kèm theo tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

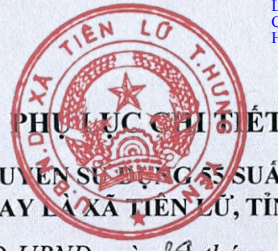
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT

KT. CHỦ TỊCH
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIÊN LỮ
PHÓ CHỦ TỊCH
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Văn Hạnh



**DANH SÁCH KẾT QUẢ TRÚNG ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT 55 SUẤT ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI
XÃ THỤY LÔ, HUYỆN TIỀN LŨ (CŨ) NAY LÀ XÃ TIỀN LŨ, TỈNH HUNG YÊN (Phiên đấu ngày 18/10/2025)**

(kèm theo Quyết định số 968 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Tiên Lữ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đấu giá	Diện tích trúng đấu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
1	Trần Thị Điệp	Thôn Đào Đặng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	033180003381	51	895	LKA-1	87,9	10.000.000	28.400.000	2.496.360.000	130.000.000	2.366.360.000
2	Nguyễn Thị Hương	Thôn Đồng Đức, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	001191010826	51	896	LKA-2	80,0	10.000.000	30.600.000	2.448.000.000	130.000.000	2.318.000.000
3	Trần Thị Minh Xuân	Thôn Cao Xá, xã Quang Hưng, Hưng Yên	033189006817	51	897	LKA-3	78,0	12.000.000	36.600.000	2.854.800.000	130.000.000	2.724.800.000
4	Vũ Đại Dương	Thôn Bùi Xá, Nguyễn Lương Bằng, Hải Phòng	030085004148	51	898	LKA-4	87,51	10.000.000	16.600.000	1.452.666.000	130.000.000	1.322.666.000
5	Hoàng Văn Tấn	Thôn Đình Trại Như, Xã Thượng Hồng, Thành phố Hải Phòng	030089002810	51	899	LKA-5	88,68	10.000.000	17.800.000	1.578.504.000	130.000.000	1.448.504.000
6	Nguyễn Nhật Linh	Xóm 8, Thôn An Xá, xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng	030090011635	51	900	LKA-6	89,86	10.000.000	17.800.000	1.599.508.000	130.000.000	1.469.508.000
7	Nguyễn Nhật Linh	Xóm 8, Thôn An Xá, xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng	030090011635	51	901	LKA-7	91,01	10.000.000	17.600.000	1.601.776.000	130.000.000	1.471.776.000
8	Trần Thị Minh Xuân	Thôn Cao Xá, xã Quang Hưng, Hưng Yên	033189006817	51	902	LKA-8	92,19	10.000.000	17.400.000	1.604.106.000	130.000.000	1.474.106.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đấu giá	Diện tích trúng đấu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
9	Nguyễn Đình Phương	Đội 11 - Thôn Vân Côn, xã An Khánh, Thành phố Hà Nội	001090017828	51	903	LKA-9	93,37	10.000.000	17.200.000	1.605.964.000	130.000.000	1.475.964.000
10	Nguyễn Nhật Linh	Xóm 8, Thôn An Xá, xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng	030090011635	51	904	LKA-10	94,54	10.000.000	17.200.000	1.626.088.000	130.000.000	1.496.088.000
11	Nguyễn Thu Tâm	Đội 6, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	001189022864	51	907	LKB-1	78,0	12.000.000	35.800.000	2.792.400.000	130.000.000	2.662.400.000
12	Nguyễn Thu Tâm	Đội 6, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	001189022864	51	908	LKB-2	80,0	10.000.000	31.800.000	2.544.000.000	130.000.000	2.414.000.000
13	Nguyễn Thu Tâm	Đội 6, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	001189022864	51	909	LKB-3	80,0	10.000.000	31.800.000	2.544.000.000	130.000.000	2.414.000.000
14	Nguyễn Thu Tâm	Đội 6, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	001189022864	51	910	LKB-4	80,0	10.000.000	31.800.000	2.544.000.000	130.000.000	2.414.000.000
15	Nguyễn Thu Tâm	Đội 6, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội	001189022864	51	911	LKB-5	80,0	10.000.000	32.400.000	2.592.000.000	130.000.000	2.462.000.000
16	Trần Khoái Trường	Thôn Vạn Tường, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	033083014989	51	912	LKB-6	78,0	12.000.000	38.200.000	2.979.600.000	130.000.000	2.849.600.000
17	Nguyễn Thị Anh	Xóm 8, thôn An Xá, xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng	030190010586	51	913	LKB-7	82,5	10.000.000	18.200.000	1.501.500.000	130.000.000	1.371.500.000
18	Nguyễn Minh Hải	Khu phố La Phù, xã Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	025088001202	51	914	LKB-8	82,5	10.000.000	21.000.000	1.732.500.000	130.000.000	1.602.500.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đấu giá	Diện tích trúng đấu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
19	Nguyễn Hải Hà	Lô đất V6C ô số 4 Khu nhà ở Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, Thành phố Hà	001081039065	51	915	LKB-9	82,5	10.000.000	19.800.000	1.633.500.000	130.000.000	1.503.500.000
20	Nguyễn Thị Liễu	Thôn Cao Xá, xã Quang Hưng, Hưng Yên	033182001450	51	916	LKB-10	82,5	10.000.000	19.800.000	1.633.500.000	130.000.000	1.503.500.000
21	Đỗ Thị The	Cụm 6, Thôn Thanh Cù, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	033190006597	51	917	LKB-11	82,5	10.000.000	21.800.000	1.798.500.000	130.000.000	1.668.500.000
22	Đỗ Thị The	Cụm 6, Thôn Thanh Cù, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	033190006597	51	918	LKB-12	82,5	10.000.000	21.800.000	1.798.500.000	130.000.000	1.668.500.000
23	Đỗ Thị The	Cụm 6, Thôn Thanh Cù, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	033190006597	51	919	LKB-13	82,5	10.000.000	21.800.000	1.798.500.000	130.000.000	1.668.500.000
24	Phạm Thị Thu	Thôn Nội Linh, xã Hoàng Hoa Thám, Hưng Yên	033177005195	51	924	LKB-18	82,5	10.000.000	21.600.000	1.782.000.000	130.000.000	1.652.000.000
25	Vũ Tuấn Anh	Xóm 3, Thôn Tiểu Quan, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	033098006414	51	925	LKB-19	82,5	10.000.000	18.200.000	1.501.500.000	130.000.000	1.371.500.000
26	Nguyễn Xuân Thọ	149 Chùa Chuông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	033087001345	51	926	LKB-20	82,5	10.000.000	18.800.000	1.551.000.000	130.000.000	1.421.000.000
27	Dương Thị Kim Oanh	Xóm 7, Thôn Trà Bồ, Đoàn Đào, Hưng Yên	033303004667	51	927	LKB-21	82,5	10.000.000	20.000.000	1.650.000.000	130.000.000	1.520.000.000
28	Đỗ Thị Mai	Khu phố Nhân Dục, phố Hiến, Hưng Yên	001161016773	51	928	LKB-22	82,5	10.000.000	22.400.000	1.848.000.000	130.000.000	1.718.000.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đấu giá	Diện tích trúng đấu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
29	Đỗ Thị Mai	Khu phố Nhân Dục, phố Hiến, Hưng Yên	001161016773	51	929	LKB-23	82,5	10.000.000	22.600.000	1.864.500.000	130.000.000	1.734.500.000
30	Đỗ Thị Mai	Khu phố Nhân Dục, phố Hiến, Hưng Yên	001161016773	51	930	LKB-24	82,5	10.000.000	22.800.000	1.881.000.000	130.000.000	1.751.000.000
31	Trần Đức Hùng	Mỹ Trạch, Đường An, Hải Phòng	030079003218	51	931	LKB-25	82,5	10.000.000	18.200.000	1.501.500.000	130.000.000	1.371.500.000
32	Lê Đình Thắng	Số 4A ngách 155/57 đường Cầu Giấy, Tổ 29, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	001074020313	51	932	LKC-1	78,0	12.000.000	35.600.000	2.776.800.000	130.000.000	2.646.800.000
33	Lê Đình Thắng	Số 4A ngách 155/57 đường Cầu Giấy, Tổ 29, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	001074020313	51	933	LKC-2	80,0	10.000.000	32.200.000	2.576.000.000	130.000.000	2.446.000.000
34	Nguyễn Văn Bắc	Xóm 1, Thôn Nghĩa Giang, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên	033081004622	51	934	LKC-3	80,0	10.000.000	31.800.000	2.544.000.000	130.000.000	2.414.000.000
35	Nguyễn Văn Bắc	Xóm 1, Thôn Nghĩa Giang, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên	033081004622	51	935	LKC-4	80,0	10.000.000	31.600.000	2.528.000.000	130.000.000	2.398.000.000
36	Đỗ Thị Mai	Khu phố Nhân Dục, phố Hiến, Hưng Yên	001161016773	51	936	LKC-5	80,0	10.000.000	32.400.000	2.592.000.000	130.000.000	2.462.000.000
37	Đoàn Thị Huỳnh	Thôn Lương Gián, Trần Phú, Hải Phòng	030186015501	51	937	LKC-6	78,0	12.000.000	36.800.000	2.870.400.000	130.000.000	2.740.400.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đầu giá	Diện tích trúng đầu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
38	Hoàng Văn Tấn	Thôn Dinh Trại Như, Xã Thượng Hồng, Thành phố Hải Phòng	030089002810	51	938	LKC-7	82,5	10.000.000	18.400.000	1.518.000.000	130.000.000	1.388.000.000
39	Mai Văn Tiếp	Thôn Cao Xá, xã Quang Hưng, Tỉnh Hưng Yên	033078001483	51	939	LKC-8	82,5	10.000.000	21.200.000	1.749.000.000	130.000.000	1.619.000.000
40	Nguyễn Văn Bắc	Xóm 1, Thôn Nghĩa Giang, Xã Nghĩa Dân, Tỉnh Hưng Yên	033081004622	51	940	LKC-9	82,5	10.000.000	20.800.000	1.716.000.000	130.000.000	1.586.000.000
41	Trần Khoái Trường	Thôn Vạn Tường, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	033083014989	51	941	LKC-10	82,5	10.000.000	23.600.000	1.947.000.000	130.000.000	1.817.000.000
42	Trần Khoái Trường	Thôn Vạn Tường, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	033083014989	51	942	LKC-11	82,5	10.000.000	23.600.000	1.947.000.000	130.000.000	1.817.000.000
43	Nguyễn Văn Huy	Thôn Hoàng Xá, xã Tiên Tiến, tỉnh Hưng Yên	033093009525	51	943	LKC-12	82,5	10.000.000	19.800.000	1.633.500.000	130.000.000	1.503.500.000
44	Nguyễn Như Cường	587 Quang Lãm, Tđp4, Phường Phú Lương, Thành phố Hà Nội	001078004106	51	944	LKC-13	82,5	10.000.000	18.400.000	1.518.000.000	130.000.000	1.388.000.000
45	Trần Thị Minh Xuân	Thôn Cao Xá, xã Quang Hưng, Hưng Yên	033189006817	51	945	LKC-14	80,5	12.000.000	25.800.000	2.076.900.000	130.000.000	1.946.900.000
46	Trần Đức Giang	Số 229 đường Điện Biên, phường Phố Hiển, tỉnh Hưng Yên	033096009643	51	946	LKC-15	80,5	9.600.000	28.800.000	2.318.400.000	130.000.000	2.188.400.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	CCCD/ CMND	Số tờ bản đồ	Số thửa	Suất trúng đấu giá	Diện tích trúng đấu giá (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Giá trúng (đồng/m ²)	Tổng giá trị suất đất theo giá trúng (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn lại phải nộp (đồng)
47	Nguyễn Văn Hồng	Khu 4 xã Hiền Quan, tỉnh Phú Thọ	025082003155	51	947	LKC-16	82,5	8.000.000	18.800.000	1.551.000.000	130.000.000	1.421.000.000
48	Đỗ Văn Phiến	Thôn Phú Khê, Xã Đường An, Thành phố Hải Phòng	030080015084	51	948	LKC-17	82,5	8.000.000	20.400.000	1.683.000.000	130.000.000	1.553.000.000
49	Nguyễn Trung Kiên	Thôn Tân Quý, Can Lâm, Khánh Hoà	033089007313	51	949	LKC-18	82,5	8.000.000	21.800.000	1.798.500.000	130.000.000	1.668.500.000
50	Nguyễn Trung Kiên	Thôn Tân Quý, Can Lâm, Khánh Hoà	033089007313	51	950	LKC-19	82,5	8.000.000	22.200.000	1.831.500.000	130.000.000	1.701.500.000
51	Vũ Thị Hương	Thôn Ngô Xá, xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên	033188013186	51	951	LKC-20	82,5	8.000.000	21.000.000	1.732.500.000	130.000.000	1.602.500.000
52	Trần Khoái Trường	Thôn Vạn Tường, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	033083014989	51	952	LKC-21	82,5	8.000.000	22.200.000	1.831.500.000	130.000.000	1.701.500.000
53	Lê Thị Là	Thôn Nội Lễ, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	033168003621	51	953	LKC-22	82,5	8.000.000	17.800.000	1.468.500.000	130.000.000	1.338.500.000
54	Trần Khoái Trường	Thôn Vạn Tường, Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	033083014989	51	954	LKD-1	78,0	12.000.000	38.800.000	3.026.400.000	130.000.000	2.896.400.000
55	Đỗ Văn Phiến	Thôn Phú Khê, Xã Đường An, Thành phố Hải Phòng	030080015084	51	955	LKD-2	80,0	10.000.000	33.800.000	2.704.000.000	130.000.000	2.574.000.000
TỔNG CỘNG							4546,56			110.277.672.000	7.150.000.000	103.127.672.000